



Số/No.: 108 /2026/TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2026
Hanoi, September 30, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: - State Securities Commission
- Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức / *Name of organization*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank)
/ *Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPBank)*
 - Mã chứng khoán / *Stock code*: TPB
 - Địa chỉ / *Address*: Tòa nhà TPBank, Số 57, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội / *TPBank Building, No. 57, Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City*
 - Điện thoại liên hệ / *Telephone*: 024. 3768 8998 Fax: 024. 3768 8979
 - Email: cbtt@tpb.com.vn
2. Nội dung thông tin công bố / *Contents of disclosure*:
Ngày 29/09/2026, Hội đồng Quản trị TPBank đã ban hành Nghị quyết số 38/2026/NQ-TPB.HĐQT về việc thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung về đợt phát hành Trái Phiếu TPBank ra công chúng.
On September 29, 2026, the Board of Directors of TPBank issued Resolution No. 38/2026/NQ-TPB.HĐQT approving amendments and supplements to certain contents of the issuance for the public offering of TPBank's Bonds.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của TPBank vào ngày 30/09/2026 tại đường dẫn: <https://tpb.vn/nha-dau-tu/thong-bao-co-dong> / *This information was published on TPBank's website on September 30, 2026, as in the link <https://tpb.vn/eng/nha-dau-tu/thong-bao-co-dong>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố / *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Nơi nhận / Recipients:

- Như Kính gửi / *As above*;
- SGDCK Việt Nam / *Vietnam Exchange*;
- Lưu: VT / *Archived by VT*.

Tài liệu đính kèm / Attachment:

- Nghị quyết số 38/2026/NQ-TPB.HĐQT /
Resolution No. 38/2026/NQ-TPB.HĐQT

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

VICE CHAIRMAN OF THE BOD



Lê Quang Tiến





Số/No.: 38./2026/NQ-TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2026
Hanoi, September 29, 2026

NGHỊ QUYẾT / RESOLUTION¹

V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung về đợt phát hành Trái Phiếu TPBank ra công chúng
Re: Approval of amendments and supplements to certain contents
of the issuance for the public offering of TPBank's Bonds

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP TIỀN PHONG THE BOARD OF DIRECTORS

Căn cứ / Pursuant to:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành / the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 dated January 18, 2024 (as amended and supplemented) and guiding documents;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành / the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 (as amended and supplemented) and guiding documents;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành / the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 (as amended and supplemented) and guiding documents;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung) / the Government's Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020 (as amended and supplemented);
- Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank") / the Charter of Tien Phong Commercial Joint Stock Bank ("TPBank");
- Quy chế số 32/2026/QĐ-TPB.HĐQT ngày 24/04/2026 về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") / Statute No. 32/2026/QĐ-TPB.HĐQT dated April 24, 2026 on the organization and operation of the Board of Directors ("BOD");
- Nghị quyết số 35/2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 23/09/2026 về việc thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết Trái Phiếu phát hành ra công chúng ("Nghị Quyết 35") / Resolution No. 35/2026/NQ-TPB.HĐQT dated September 23, 2026 approving the issuance plan, the plan for the use of proceeds and debt repayment from the offering, and the listing of the publicly offered Bonds ("Resolution 35");
- Ý kiến, biểu quyết của các Thành viên HĐQT tại Biên bản ngày 29/09/2026 / Opinions and votes of BOD's members recorded in the Minutes dated September 29, 2026;
- Xét đề xuất của Tổng Giám đốc / Considering the Proposal of the Chief Executive Officer.

¹ Văn bản này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa nội dung tiếng Anh và tiếng Việt thì nội dung tiếng Việt là căn cứ pháp lý và được ưu tiên áp dụng / This document is prepared in both Vietnamese and English. In case of any discrepancy in interpretation between them, the Vietnamese version shall be the legal basis and shall prevail.

QUYẾT NGHỊ / RESOLVES:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị Quyết 35, cụ thể như sau:

Hạng mục	Nội dung tại Nghị Quyết 35	Nội dung sửa đổi, bổ sung
Điểm b Khoản 1 Điều 2. Tổ chức thực hiện	Quyết định Biên Độ và mức lãi suất danh nghĩa cụ thể của từng đợt, từng mã Trái Phiếu. Việc quyết định nêu trên phải theo đúng công thức xác định lãi suất danh nghĩa, Cơ Sở Tham Chiếu và nguyên tắc xác định lãi suất đã được HĐQT phê duyệt	Quyết định Biên Độ lãi suất cụ thể với từng đợt phát hành đảm bảo không vượt quá biên độ lãi suất tối đa đã được HĐQT phê duyệt
Tiểu mục 15 – Lãi suất danh nghĩa - Mục III, Phụ lục I - Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026-2027	Lãi suất thả nổi. Lãi suất danh nghĩa của Trái Phiếu được xác định bằng: “Cơ Sở Tham Chiếu” + (cộng) “Biên Độ”, theo đó: - “Cơ Sở Tham Chiếu” để xác định lãi suất danh nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Cơ Sở Tham Chiếu được lấy theo mức công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng nêu trên tại “Ngày Xác Định Lãi Suất”, là ngày TPBank ban hành Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của đợt chào bán tương ứng đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo; kết quả xác định được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. - Trường hợp một ngân hàng nêu trên công bố nhiều mức lãi suất cho cùng kỳ hạn 12 tháng, mức được sử dụng là mức thấp nhất được công bố. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất không lấy được mức công bố của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) ngân hàng nêu trên, Cơ Sở Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng còn lại; trường hợp không lấy được của tất cả các ngân hàng nêu trên, Cơ Sở Tham Chiếu là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng do TPBank công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất. - Cơ Sở Tham Chiếu được xác định lại cho từng Kỳ Tính Lãi của từng mã Trái Phiếu.	Lãi suất thả nổi. Lãi suất danh nghĩa của Trái Phiếu được xác định bằng: “Lãi Suất Tham Chiếu” + (cộng) “Biên Độ”, theo đó: - “Lãi Suất Tham Chiếu” để xác định lãi suất danh nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu được lấy theo mức công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng nêu trên tại “Ngày Xác Định Lãi Suất”, là ngày TPBank ban hành Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của đợt chào bán tương ứng đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo; kết quả xác định được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. - Trường hợp một ngân hàng nêu trên công bố nhiều mức lãi suất cho cùng kỳ hạn 12 tháng, mức được sử dụng là mức thấp nhất được công bố. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất không lấy được mức công bố của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) ngân hàng nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng còn lại; trường hợp không lấy được của tất cả các ngân hàng nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng do TPBank công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất. - Lãi Suất Tham Chiếu được xác định lại cho từng Kỳ Tính Lãi của từng mã Trái Phiếu.

Hạng mục	Nội dung tại Nghị Quyết 35	Nội dung sửa đổi, bổ sung
	- “Biên Độ” được xác định trên cơ sở tình hình thị trường, khả năng chấp nhận và nhu cầu vốn của TPBank tại thời điểm phát hành, phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. Biên Độ cụ thể của từng mã Trái Phiếu tại từng Đợt Chào Bán do Tổng Giám đốc quyết định trước khi triển khai Đợt Chào Bán đó và được công bố tại Bản thông báo phát hành của Đợt Chào Bán tương ứng. Công thức và Biên Độ của từng mã được xác định trước và không thay đổi trong suốt kỳ hạn của mã đó.	- “Biên Độ” được xác định trên cơ sở tình hình thị trường, khả năng chấp nhận và nhu cầu vốn của TPBank tại thời điểm phát hành, phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. Biên Độ lãi suất tối đa theo Phương án phát hành là 4,1%/năm. Biên Độ cụ thể của từng mã Trái Phiếu tại từng đợt chào bán do Tổng Giám đốc quyết định trước khi triển khai đợt chào bán đó và được công bố tại Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của đợt chào bán tương ứng, đảm bảo không vượt quá biên độ lãi suất tối đa theo Phương án phát hành đã được HĐQT phê duyệt.

Các thông tin khác tại Nghị Quyết 35: Không thay đổi.

(Kèm theo Nghị quyết này là toàn văn Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026-2027 sau khi được sửa đổi, bổ sung như trên).

Article 1. Approve the amendments and supplements to certain contents of Resolution 35 as follows:

Items	Contents in Resolution 35	Amended and supplemented contents
Point b, Clause 1, Article 2. Implementation	Decide the Margin and the specific nominal interest rate for each tranche and each Bond code. Such decisions must comply with the nominal interest rate formula, Reference Rate and interest rate determination principles approved by the BOD	Decide the specific Margin for each issuance tranche, ensuring that it does not exceed the maximum Margin approved by the BOD
Item 15 – Nominal interest rate – Section III of Appendix I – The public bond issuance plan to supplement Tier 2 capital for 2026–2027	Floating interest rate. The nominal interest rate of the Bonds is determined as the “Reference Rate” + (plus) the “Margin”, where: - The “Reference Rate” for determining the nominal interest rate is the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development. The Reference Rate is based on the rates published on the official websites of those four banks on the “Interest Determination Date”, being the date on which TPBank issues the public bond offering notice for the relevant tranche for the first Interest Period, and the 7 th business day before the first	Floating interest rate. The nominal interest rate of the Bonds is determined as the “Reference Rate” + (plus) the “Margin”, where: - The “Reference Rate” for determining the nominal interest rate is the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development. The Reference Rate is based on the rates published on the official websites of those four banks on the “Interest Determination Date”, being the date on which TPBank issues the public bond offering notice for the relevant tranche for the first Interest Period, and the 7 th business day before the first

<i>Items</i>	<i>Contents in Resolution 35</i>	<i>Amended and supplemented contents</i>
	day of each subsequent Interest Period; the resulting rate is rounded to two decimal places. - If any of the above banks publishes more than one rate for the same 12-month tenor, the lowest published rate will be used. If the published rate of one or more, but not all, of those banks is unavailable on the Interest Determination Date, the Reference Rate will be the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of the remaining banks; if the rates of all those banks are unavailable, the Reference Rate will be the interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, published by TPBank on the Interest Determination Date. - The Reference Rate is reset for each Interest Period of each bond code. - The "Margin" is determined based on market conditions, the level acceptable to TPBank and its funding needs at the time of issuance, in line with the State Bank of Vietnam's interest rate regulations from time to time. The specific Margin for each bond code in each Offering Tranche is decided by the Chief Executive Officer before the launch of that Offering Tranche and announced in the issuance notice of the relevant Offering Tranche. The formula and Margin for each code are specified in advance and remain unchanged throughout the tenor of that code.	day of each subsequent Interest Period; the resulting rate is rounded to two decimal places. - If any of the above banks publishes more than one rate for the same 12-month tenor, the lowest published rate will be used. If the published rate of one or more, but not all, of those banks is unavailable on the Interest Determination Date, the Reference Rate will be the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of the remaining banks; if the rates of all those banks are unavailable, the Reference Rate will be the interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, published by TPBank on the Interest Determination Date. - The Reference Rate is reset for each Interest Period of each bond code. - The "Margin" is determined based on market conditions, the level acceptable to TPBank and its funding needs at the time of issuance, in line with the State Bank of Vietnam's interest rate regulations from time to time. The maximum Margin under the issuance plan is 4,1% per annum. The specific Margin for each bond code in each offering tranche is decided by the Chief Executive Officer before the launch of that offering tranche and announced in the public bond offering notice of the relevant offering tranche, ensuring that it does not exceed the maximum Margin under the issuance plan approved by the BOD.

Other information in Resolution 35: Unchanged.

(Attached to this Resolution is the full text of the public bond issuance plan to supplement Tier 2 capital for 2026–2027, as amended and supplemented above).

Điều 2. Các nội dung khác (bao gồm nội dung giao, phân công, phân quyền và ủy quyền) tiếp tục thực hiện theo Nghị Quyết 35.

Article 2. Other contents (including the assignment, delegation and authorization) shall continue to be implemented in accordance with Resolution 35.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Article 3. This Resolution shall take effect from the date of signing. The Chief Executive Officer, the Board of Management and all relevant units and individuals are responsible for implementing this Resolution./.

Nơi nhận / Recipients:

- Như Điều 3 (đề t/hiện) / As per Article 3 (for implementation);
- HĐQT, BKS / BOD, Supervisory Board;
- Lưu: VT / Archived by: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
THE CHAIRMAN**



Đỗ Minh Phú

**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
NHẪM BỔ SUNG VỐN CẤP 2 GIAI ĐOẠN 2026–2027**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 29/09/2026 của HĐQT)

THE PUBLIC BOND ISSUANCE PLAN

TO SUPPLEMENT TIER 2 CAPITAL FOR 2026–2027

(Attached to Resolution No. 32/2026/NQ-TPB.HĐQT dated September 29, 2026 of the BOD)

I. Căn cứ pháp lý

Phương án phát hành Trái Phiếu ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026–2027 của TPBank được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30/06/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông Tư 14”).

I. Legal basis

TPBank’s public bond issuance plan to supplement Tier 2 capital for 2026–2027 is prepared on the basis of the following legal instruments:

- The Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 dated 18 January 2024 (as amended and supplemented) and guiding documents;
- The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020 (as amended and supplemented) and guiding documents;
- The Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019 (as amended and supplemented) and guiding documents;
- The Government’s Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated 31 December 2020 detailing the implementation of certain articles of the Law on Securities (as amended and supplemented);
- Circular No. 118/2020/TT-BTC dated 31 December 2020 of the Ministry of Finance guiding certain matters relating to securities offerings and issuances, tender offers, share repurchases, registration of public companies and cancellation of public company status (as amended and supplemented);
- Circular No. 14/2025/TT-NHNN dated 30 June 2025 of the State Bank of Vietnam prescribing capital adequacy ratios for commercial banks and foreign bank branches (“Circular 14”).

II. Mục đích phát hành

TPBank dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

và phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của TPBank, trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của TPBank.

II. Purpose of issuance

TPBank intends to use all proceeds from the offering of the Bonds to supplement its Tier 2 capital, improve its capital adequacy ratio in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam, and meet TPBank's customer lending needs, while ensuring compliance with the laws on credit institutions and TPBank's internal regulations.

III. Điều kiện, điều khoản chính của Trái Phiếu

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
1	Tên trái phiếu	Trái phiếu TPBank phát hành ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026–2027 (“Trái Phiếu”)
2	Loại trái phiếu	(1) Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không được bảo lãnh và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của TPBank. (2) Trái Phiếu là nợ thứ cấp được thiết kế nhằm đáp ứng các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo Thông Tư 14. Trong trường hợp TPBank bị phá sản, giải thể hoặc thanh lý, tổ chức, cá nhân sở hữu Trái Phiếu (“Người Sở Hữu Trái Phiếu”) chỉ được thanh toán sau khi TPBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác. (3) Toàn bộ 150.000.000 Trái Phiếu chào bán theo Phương án phát hành là một loại Trái Phiếu; số lượng của từng đợt, từng mã chỉ là phần phân bổ trong tổng số lượng của loại Trái Phiếu này.
3	Đồng tiền phát hành và thanh toán	Đồng Việt Nam (VND)
4	Hình thức	Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ.
5	Mệnh giá	100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu
6	Giá chào bán	Bằng mệnh giá
7	Tổng số lượng tối đa	150.000.000 Trái Phiếu
8	Tổng mệnh giá tối đa	15.000.000.000.000 đồng (Mười lăm nghìn tỷ đồng)
9	Kỳ hạn và Ngày Phát Hành	Trái Phiếu có kỳ hạn 10 năm, tính từ Ngày Phát Hành của mã Trái Phiếu tương ứng. Đối với từng mã Trái Phiếu, “Ngày Phát Hành” là ngày kết thúc việc thu tiền mua Trái Phiếu của đợt chào bán có mã đó. Ngày tròn 10 năm kể từ Ngày Phát Hành của một mã Trái Phiếu là “Ngày Đáo Hạn” của mã đó.
10	Số đợt chào bán	Tối đa 05 đợt chào bán. Số lượng chào bán dự kiến ban đầu của mỗi đợt là 30.000.000 Trái Phiếu, tương ứng 3.000.000.000.000 đồng theo mệnh giá. Kế hoạch chào bán từng đợt và cơ chế chuyển tiếp phần chưa phân phối hết thực hiện theo Mục IV Phụ lục này.
11	Thời gian chào bán	Theo các mốc thời gian được HĐQT thông qua tại Mục IV.
12	Đối tượng chào bán	Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định pháp luật
13	Phương thức phát hành	Phát hành ra công chúng

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
14	Phương thức phân phối	Bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại trụ sở chính, các chi nhánh/phòng giao dịch của TPBank trên phạm vi toàn quốc và/hoặc qua kênh giao dịch điện tử của TPBank.
15	Lãi suất danh nghĩa	Lãi suất thả nổi. Lãi suất danh nghĩa của Trái Phiếu được xác định bằng: “Lãi Suất Tham Chiếu” + (cộng) “Biên Độ”, theo đó: - “Lãi Suất Tham Chiếu” để xác định lãi suất danh nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu được lấy theo mức công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng nêu trên tại “Ngày Xác Định Lãi Suất”, là ngày TPBank ban hành Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của đợt chào bán tương ứng đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo; kết quả xác định được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. - Trường hợp một ngân hàng nêu trên công bố nhiều mức lãi suất cho cùng kỳ hạn 12 tháng, mức được sử dụng là mức thấp nhất được công bố. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất không lấy được mức công bố của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) ngân hàng nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng còn lại; trường hợp không lấy được của tất cả các ngân hàng nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng do TPBank công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất. - Lãi Suất Tham Chiếu được xác định lại cho từng Kỳ Tính Lãi của từng mã Trái Phiếu. - “Biên Độ” được xác định trên cơ sở tình hình thị trường, khả năng chấp nhận và nhu cầu vốn của TPBank tại thời điểm phát hành, phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. Biên Độ lãi suất tối đa theo Phương án phát hành là 4,1%/năm. Biên Độ cụ thể của từng mã Trái Phiếu tại từng đợt chào bán do Tổng Giám đốc quyết định trước khi triển khai đợt chào bán đó và được công bố tại Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của đợt chào bán tương ứng, đảm bảo không vượt quá biên độ lãi suất tối đa theo Phương án phát hành đã được HĐQT phê duyệt.

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
16	Kỳ trả lãi	Kỳ trả lãi tương ứng với Trái Phiếu của mỗi đợt chào bán theo định kỳ 12 tháng một lần được tính từ Ngày Phát Hành, trừ trường hợp TPBank được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo khi việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ theo Thông Tư 14; việc tính và thanh toán lãi tuân theo Bản cáo bạch. Tiền lãi được xác định trên số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi, trên cơ sở một năm có 365 ngày. “Kỳ Tính Lãi” là khoảng thời gian từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành hoặc Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi kế tiếp. Việc TPBank thực hiện quyền ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo không làm thay đổi các mốc Ngày Thanh Toán Lãi đã được xác định theo Ngày Phát Hành của mã Trái Phiếu tương ứng.
17	Phương thức thanh toán gốc, lãi	- Tiền gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc vào ngày mua lại trước hạn đối với phần Trái Phiếu được TPBank mua lại theo mục 18 Bảng này. - Tiền lãi Trái Phiếu được thanh toán theo Kỳ trả lãi quy định tại mục 16 Bảng này, vào “Ngày Thanh Toán Lãi”, là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn của mã Trái Phiếu tương ứng, trừ trường hợp ngừng trả lãi quy định tại mục 16 Bảng này.
18	Mua lại trái phiếu trước hạn	a) Quyền mua lại định kỳ: TPBank có quyền, nhưng không có nghĩa vụ, mua lại trước hạn toàn bộ hoặc một phần Trái Phiếu đang lưu hành của từng mã tại mỗi Ngày Thanh Toán Lãi, với điều kiện đáp ứng điểm d Mục này. Khi TPBank thực hiện quyền mua lại định kỳ, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại phần Trái Phiếu được mua lại theo đề nghị của TPBank. b) Mua lại theo thỏa thuận: ngoài quyền mua lại định kỳ, TPBank được đề nghị mua lại theo thỏa thuận toàn bộ hoặc một phần tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của từng mã vào bất kỳ thời điểm nào, với điều kiện đáp ứng điểm d Mục này; Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền chấp thuận hoặc từ chối đề nghị mua lại. c) Giá mua lại: (i) đối với mua lại định kỳ tại điểm a Mục này, giá mua lại bằng 100% mệnh giá cộng khoản lãi phải thanh toán đến ngày mua lại theo Bản cáo bạch; (ii) đối với mua lại theo thỏa thuận tại điểm b Mục này, giá hoặc nguyên tắc xác định giá do HĐQT phê duyệt tại phương án mua lại và được Người Sở Hữu Trái Phiếu tham gia chấp thuận, phù hợp với Bản cáo bạch và pháp luật áp dụng. d) Điều kiện TPBank thực hiện việc mua lại: TPBank chỉ thực hiện mua lại Trái Phiếu trước Ngày Đáo Hạn nếu sau giao dịch vẫn bảo đảm các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật.

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
		e) Trừ trường hợp xảy ra Sự Kiện Vi Phạm được quy định tại Bản cáo bạch và Trái Phiếu được tuyên bố đến hạn theo trình tự quy định tại Bản cáo bạch, Người Sở Hữu Trái Phiếu không có quyền yêu cầu TPBank mua lại hoặc thanh toán Trái Phiếu trước Ngày Đáo Hạn. Việc TPBank không thực hiện quyền mua lại trước hạn tại điểm a và điểm b Mục này không cấu thành vi phạm nghĩa vụ của TPBank theo Trái Phiếu.
19	Các đặc điểm pháp lý khác của Trái Phiếu	Người Sở Hữu Trái Phiếu không được sử dụng quyền yêu cầu thanh toán Trái Phiếu để bù trừ nghĩa vụ tài chính của chính mình đối với TPBank.
20	Đăng ký, lưu ký và niêm yết	TPBank thực hiện đăng ký, lưu ký toàn bộ Trái Phiếu được phân phối thành công tại VSDC và nộp, hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu trên HNX theo quy định của pháp luật. Trái Phiếu chỉ được chuyển nhượng sau khi được đăng ký tập trung tại VSDC và được đưa vào giao dịch trên HNX. Trong khoảng thời gian từ khi kết thúc mỗi đợt chào bán đến khi Trái Phiếu của đợt đó được đưa vào giao dịch trên HNX, Trái Phiếu không được chuyển nhượng, trừ các trường hợp chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và quy chế của VSDC.

III. Principal terms and conditions of the Bonds

No.	Item	Terms and conditions
1	Name of the bonds	TPBank's bonds publicly offered to supplement Tier 2 capital for 2026–2027 ("Bonds")
2	Type of bonds	(1) The Bonds are non-convertible, have no warrants attached, are not secured by assets, are not guaranteed and constitute direct repayment obligations of TPBank. (2) The Bonds are subordinated debt designed to meet the conditions for inclusion in Tier 2 capital under Circular 14. In the event of TPBank's bankruptcy, dissolution or liquidation, organizations and individuals holding the Bonds ("Bondholders") will be paid only after TPBank has paid all other creditors. (3) All 150.000.000 Bonds offered under the issuance plan constitute a single type of Bond; the number of Bonds in each tranche and under each bond code is only an allocation within the total number of Bonds of that type.
3	Currency of issuance and payment	Vietnamese dong (VND)
4	Form	The Bonds are issued in book-entry form.
5	Par value	VND 100.000 (one hundred thousand Vietnamese dong) per Bond
6	Offering price	At par value
7	Maximum total number of Bonds	150.000.000 Bonds

No.	Item	Terms and conditions
8	Maximum aggregate par value	VND 15.000.000.000.000 (fifteen trillion Vietnamese dong)
9	Tenor and Issue Date	The Bonds have a tenor of 10 years from the Issue Date of the corresponding bond code. For each bond code, the "Issue Date" is the date on which the collection of Bond subscription monies for the offering tranche containing that code is completed. The date falling 10 years after the Issue Date of a bond code is the "Maturity Date" of that code.
10	Number of offering tranches	A maximum of 05 offering tranches. The initial indicative offering volume for each tranche is 30.000.000 Bonds, equivalent to VND 3.000.000.000.000 at par value. The offering schedule for each tranche and the mechanism for carrying forward undistributed Bonds are set out in Section IV of this Appendix.
11	Offering schedule	In accordance with the timing approved by the BOD in Section IV.
12	Target investors	Vietnamese organizations and individuals, and foreign organizations and individuals, in accordance with law
13	Issuance method	Public offering
14	Distribution method	Direct sales to investors at TPBank's head office, branches and transaction offices nationwide and/or through TPBank's electronic transaction channels.
15	Nominal interest rate	Floating interest rate. The nominal interest rate of the Bonds is determined as the "Reference Rate" + (plus) the "Margin", where: - The "Reference Rate" for determining the nominal interest rate is the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development. The Reference Rate is based on the rates published on the official websites of those four banks on the "Interest Determination Date", being the date on which TPBank issues the public bond offering notice for the relevant tranche for the first Interest Period, and the 7th business day before the first day of each subsequent Interest Period; the resulting rate is rounded to two decimal places. - If any of the above banks publishes more than one rate for the same 12-month tenor, the lowest published rate will be used. If the published rate of one or more, but not all, of those banks is unavailable on the Interest Determination Date, the Reference Rate will be the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of the remaining banks; if the rates of all those banks are unavailable, the Reference Rate will be the interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for

No.	Item	Terms and conditions
		individuals, with interest paid in arrears, published by TPBank on the Interest Determination Date. - The Reference Rate is reset for each Interest Period of each bond code. - The "Margin" is determined based on market conditions, the level acceptable to TPBank and its funding needs at the time of issuance, in line with the State Bank of Vietnam's interest rate regulations from time to time. The maximum Margin under the issuance plan is 4,1% per annum. The specific Margin for each bond code in each offering tranche is decided by the Chief Executive Officer before the launch of that offering tranche and announced in the public bond offering notice of the relevant offering tranche, ensuring that it does not exceed the maximum Margin under the issuance plan approved by the BOD.
16	Interest payment frequency	Interest on the Bonds of each offering tranche is payable every 12 months from the Issue Date, except where TPBank is permitted under Circular 14 to suspend interest payments and carry accrued interest forward to the following year if payment of interest would cause TPBank to incur a loss for the year; interest calculation and payment are governed by the Prospectus. Interest is calculated on the actual number of days in the Interest Period on the basis of a 365-day year. An "Interest Period" is the period from (and including) the Issue Date or the immediately preceding Interest Payment Date to (but excluding) the next Interest Payment Date. TPBank's exercise of its right to suspend interest payments and carry accrued interest forward to the following year does not change the Interest Payment Dates determined by reference to the Issue Date of the corresponding bond code.
17	Method of principal and interest payment	- Bond principal is repaid in a single payment on the Maturity Date or on the early redemption date for the Bonds repurchased by TPBank under item 18 of this Table. - Bond interest is paid at the frequency specified in item 16 of this Table on each "Interest Payment Date", being each anniversary of the Issue Date up to the Maturity Date of the corresponding bond code, except where interest payments are suspended under item 16 of this Table.
18	Early redemption of the bonds	a) Periodic redemption right: TPBank has the right, but not the obligation, to redeem all or part of the outstanding Bonds under each bond code before maturity on each Interest Payment Date, subject to Point d of this item. When TPBank exercises its periodic redemption right, Bondholders are obliged to sell back the Bonds to be redeemed at TPBank's request. b) Redemption by agreement: in addition to its periodic redemption right, TPBank may offer to repurchase by agreement all or part of the aggregate par value of the outstanding Bonds under each bond

No.	Item	Terms and conditions
		code at any time, subject to Point d of this item; Bondholders have the right to accept or reject the repurchase offer. c) Redemption price: (i) for periodic redemption under Point a of this item, the redemption price equals 100% of par value plus interest payable up to the redemption date in accordance with the Prospectus; (ii) for redemption by agreement under Point b of this item, the price or pricing principles must be approved by the BOD in the repurchase plan and accepted by the participating Bondholders, in accordance with the Prospectus and applicable law. d) Conditions for redemption by TPBank: TPBank may repurchase Bonds before the Maturity Date only if, after the transaction, it continues to meet the prudential ratios and limits prescribed by law. e) Unless an Event of Default specified in the Prospectus occurs and the Bonds are declared due and payable in accordance with the procedures in the Prospectus, Bondholders have no right to require TPBank to repurchase or repay the Bonds before the Maturity Date. TPBank's decision not to exercise its early redemption rights under Points a and b of this item does not constitute a breach of TPBank's obligations under the Bonds.
19	Other legal features of the Bonds	Bondholders may not use their right to claim payment under the Bonds to set off their own financial obligations to TPBank.
20	Registration, depository and listing	TPBank will register and deposit all successfully distributed Bonds with VSDC and submit and complete the application dossier for listing the Bonds on HNX in accordance with law. The Bonds may only be transferred after they have been centrally registered with VSDC and admitted to trading on HNX. During the period from the completion of each offering tranche until the Bonds of that tranche are admitted to trading on HNX, the Bonds may not be transferred, except for transfers of ownership permitted by law and VSDC's regulations.

IV. Kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu và cơ chế chuyển tiếp giữa các đợt

Đợt	Kỳ hạn	Số lượng chào bán dự kiến ban đầu (Trái Phiếu)	Tổng mệnh giá chào bán dự kiến ban đầu (đồng)	Thời điểm dự kiến bắt đầu chào bán
1	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý IV/2026
2	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý IV/2026
3	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý I – Quý II/2027
4	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý II – Quý III/2027
5	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý III/2027
Tổng		150.000.000	15.000.000.000.000	

Nguyên tắc chuyển tiếp phần chưa phân phối hết: số lượng 30.000.000 Trái Phiếu và tổng mệnh giá 3.000.000.000.000 đồng tại mỗi dòng của Bảng là kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu của từng đợt. Trường hợp một đợt không phân phối hết, phần chưa phân phối hết có thể được

chuyển sang đợt chào bán liền sau và cộng vào kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu của đợt đó, với điều kiện đáp ứng đồng thời các điều kiện (i) đến (iv) dưới đây; phần không đáp ứng điều kiện chuyển tiếp không được tự động chuyển sang đợt chào bán khác. Mỗi đợt chào bán sau chỉ được thực hiện sau khi đợt chào bán liền trước kết thúc.

Việc chuyển tiếp phải đồng thời đáp ứng: (i) số lượng Trái Phiếu chào bán của mỗi đợt không vượt quá phần chưa phát hành của tổng số lượng 150.000.000 Trái Phiếu đăng ký chào bán; (ii) giá trị Trái Phiếu dự kiến phát hành của từng đợt tính theo mệnh giá, sau khi cộng phần chuyển tiếp, không lớn hơn vốn chủ sở hữu của TPBank theo quy định của pháp luật; (iii) thời gian chào bán của từng đợt không kéo dài quá 90 ngày (chưa tính trường hợp được gia hạn thời gian phân phối theo quy định của pháp luật) và khoảng cách giữa hai đợt liền kề không quá 12 tháng; và (iv) không phát sinh quá 05 đợt, phần chưa phân phối hết sau đợt 5 không tự động chuyển sang một đợt mới.

IV. Initial indicative offering schedule and mechanism for carrying forward undistributed Bonds between tranches

<i>Tranche</i>	<i>Tenor</i>	<i>Initial indicative offering volume (Bonds)</i>	<i>Initial indicative aggregate offering par value (VND)</i>	<i>Expected offering commencement</i>
<i>1</i>	<i>10 years</i>	<i>30.000.000</i>	<i>3.000.000.000.000</i>	<i>Expected in Q4/2026</i>
<i>2</i>	<i>10 years</i>	<i>30.000.000</i>	<i>3.000.000.000.000</i>	<i>Expected in Q4/2026</i>
<i>3</i>	<i>10 years</i>	<i>30.000.000</i>	<i>3.000.000.000.000</i>	<i>Expected in Q1 – Q2/2027</i>
<i>4</i>	<i>10 years</i>	<i>30.000.000</i>	<i>3.000.000.000.000</i>	<i>Expected in Q2 – Q3/2027</i>
<i>5</i>	<i>10 years</i>	<i>30.000.000</i>	<i>3.000.000.000.000</i>	<i>Expected in Q3/2027</i>
<i>Total</i>		<i>150.000.000</i>	<i>15.000.000.000.000</i>	

Principles for carrying forward undistributed Bonds: the volume of 30.000.000 Bonds and the aggregate par value of VND 3.000.000.000.000 in each row of the Table represent the initial indicative offering plan for that tranche. If a tranche is not fully distributed, the undistributed portion may be carried forward to the immediately following offering tranche and added to that tranche's initial indicative offering plan, provided that all the conditions in (i) to (iv) below are satisfied; any portion that does not satisfy the carry-forward conditions may not automatically be transferred to another offering tranche. Each subsequent offering tranche may be conducted only after the immediately preceding tranche has been completed.

The carry-forward must satisfy all of the following conditions: (i) the number of Bonds offered in each tranche must not exceed the unissued balance of the total of 150.000.000 Bonds registered for offering; (ii) the proposed issue value of each tranche at par value, after including the carried-forward portion, must not exceed TPBank's owner's equity as prescribed by law; (iii) the offering period of each tranche must not exceed 90 days (excluding any extension of the distribution period permitted by law) and the interval between two consecutive tranches must not exceed 12 months; and (iv) there must be no more than 05 tranches, and any undistributed portion remaining after tranche 5 may not automatically be carried forward to a new tranche.